

Danh sách sinh viên nhận thưởng tỉ lệ % học bổng KKHT và trợ cấp xã hội

Thứ hai, 05 Tháng 11 2018 15:49

Danh sách sinh viên nhận thưởng tỉ lệ % học bổng KKHT và trợ cấp xã hội

HK2
năm
học
2017 -
2018

(Kèm theo Quyết định số 3209/QĐ-
ĐHSP ngày 02 tháng 11 năm 2018)

STT	MSS	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Khoa	Diện tích	Mức trợ cấp nhận
1	41.0	Ka Anh	13/03/1996	Giỏi	GDM N	Dân tộc thiểu số, vùng cao	3,066,000
2	41.0	La Thị Đào	28/11/1997	Giỏi	GDĐ B	Dân tộc thiểu số, vùng cao	2,847,000
3	42.0	Phù A Sim	08/03/1998	Giỏi	TLH	Dân tộc thiểu số, vùng cao	3,066,000
4	41.0	K' Úc	23/04/1995	Xuất sắc	GDM N	Dân tộc thiểu số, vùng cao	5,518,800
5	43.0	Yang N'him Kar	22/06/1999	Khá	GDTH	Dân tộc thiểu số, vùng cao	919,800
6	43.0	Dương Kim	22/06/	Khá	KHG	Dân	919,800

Danh sách sinh viên nhận thưởng tỉ lệ % học bổng KKHT và trợ cấp xã hội

Thứ hai, 05 Tháng 11 2018 15:49

	1.60 Mỹ 9.02 1	1999	D	tộc thiểu số, vùng cao	00	
7	43.0 Thông Mỹ 1.90 Thị 2.09 9	25/07/ Khá 1999	GDM Dân N	tộc thiểu số, vùng cao	919,8 00	
8	43.0 Bùi Cam 1.90 Thị 2.01 Hồng 1	02/02/ Khá 1999	GDM Dân N	tộc thiểu số, vùng cao	919,8 00	
9	42.0 Nguyễn Ngọc 1.90 n Thị 4.03 Như 6	04/06/ Khá 1997	GDĐ B	Mồ côi cha mẹ	919,8 00	
10	41.0 Phạm Lộc 1.61 Thanh 1.06 Phước 6	09/09/ Khá 1993	TLH	Khuyế t tật	919,8 00	
11	43.0 Vũ Ng An 1.61 uyễn 1.00 Thành 1	05/12/ Khá 1998	TLH	Khuyế t tật	919,8 00	
12	41.0 Hồng Huy 1.90 Thanh 1.06 7	09/04/ Giỏi 1997	GDTHH	Hộ cận nghèo	3,066 ,000	
13	41.0 Lê Hiếu 1.60 Văn 9.02 7	15/10/ Khá 1996	KHG D	Hộ cận nghèo	919,8 00	
14	42.0 Nguyễn Trang 1.90 n Thị 2.22 Thủy 0	08/06/ Giỏi 1998	GDM N	Hộ cận nghèo	3,066 ,000	
15	43.0 Đặng Linh 1.60 Thị 5.08 Mỹ 4	20/02/ Khá 1999	GDCTH	Hộ cận nghèo	919,8 00	
16	43.0 Phạm Cẩm 1.60 Thị 6.01 Ngọc 3	05/07/ Khá 1999	Ngữ văn	Hộ cận nghèo	919,8 00	
17	41.0 Nguyễn Bích	03/02/ Xuất	GDTHH	Hộ	5,518	

Danh sách sinh viên nhận thưởng tỉ lệ % học bổng KKHT và trợ cấp xã hội

Thứ hai, 05 Tháng 11 2018 15:49

	1.90 n Thị	1997	sắc	cận	,800
	1.00 Ngọc			nghèo	
	7				
18	41.0 Trần Quỳnh	26/01/	Giỏi	GDTHH	Hộ 3,066
	1.90 Thị	1997		cận	,000
	1.15 Như			nghèo	
	5				
19	42.0 Quách Kiều	24/07/	Giỏi	KHG	Hộ 3,066
	1.60 Thị	1996		D	nghèo ,000
	9.03 Mỹ				
	4				
20	41.0 Nguyễn Tuấn	13/08/	Khá	GDTHH	Hộ 919,8
	1.90 n Anh	1997		nghèo	00
	1.21				
	3				
21	42.0 Trươn Vinh	20/11/	Khá	Tiếng	Hộ 1,125
	1.75 g Thị	1997		Nhật	nghèo ,600
	5.19 Trà				
	5				
22	43.0 Hoàng Hiền	15/03/	Giỏi	Địa lý	Hộ 3,066
	1.61 Thị	1999		nghèo	,000
	3.00				
	7				
23	42.0 Đào Duyên	03/06/	Khá	Ngữ	Hộ 919,8
	1.60 Thị	1997		văn	nghèo 00
	1.01 Mỹ				
	2				
24	42.0 Trần Việt	29/07/	Giỏi	GDM	Hộ 3,066
	1.90 Thị	1998		N	nghèo ,000
	2.19				
	5				
25	41.0 Chu Xuân	28/03/	Xuất	GDM	Hộ 5,518
	1.90 Thị	1997	sắc	N	nghèo ,800
	2.19 Thanh				
	5				
26	43.0 Nguyễn Hà	12/01/	Khá	Ngữ	Hộ 919,0
	1.60 n Thị	1999		văn	nghèo 00
	7.02 Xuân				
	9				
27	41.0 Nguyễn Hân	13/02/	Giỏi	GDCTH	Hộ 3,066
	1.60 n Hồ	1997		nghèo	,000
	5.02 Gia				
	3				